

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2-3
Báo cáo của Kiểm toán độc lập	4-5
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	6-7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10-27

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp nước Tân Hòa (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY

Công ty TNHH MTV Cấp nước Tân Hoà được chuyển đổi từ Chi nhánh Cấp nước Tân Hoà theo Quyết định số 3745/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt chuyển đổi Chi nhánh Cấp nước Tân Hoà thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV làm chủ sở hữu.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất. Tư vấn xây dựng các công trình cấp nước, công trình dân dụng – công nghiệp. Xây dựng cấp nước, thiết kế xây dựng công trình cấp nước dân dụng và công nghiệp. Lập dự án, thẩm tra thiết kế các công trình cấp nước dân dụng và công nghiệp. Tái lập mặt đường đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và các công trình khác.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Thành viên của Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc trong năm và đến ngày báo cáo gồm :

Ông Phạm Anh Tài	Chủ tịch
Ông Trần Hữu Năm	Thành viên, Giám đốc
Ông Lê Văn Sơn	Thành viên, Phó giám đốc
Bà Trần Thị Cẩm Vân	Phó giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31/12/2014 cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

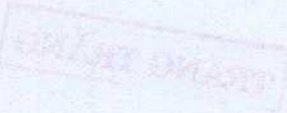
- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước; đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, Ban Giám đốc, xác nhận rằng các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2015



Handwritten notes and a signature on the right margin.

Số: 1000/2015/BC.KTTC-AASC.DTNN1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Ban Giám đốc**
Công ty TNHH MTV Cấp nước Tân Hòa

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Cấp nước Tân Hòa, được trình bày từ trang 6 đến 26 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Cấp nước Tân Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến các nội dung sau:

- Theo quy định tại điều 13 của Nghị định 59/2011/NĐ-CP và Giấy phép đăng ký chuyển đổi thành Công ty cổ phần ngày 17/12/2014, Công ty TNHH MTV Cấp nước Tân Hòa phải lập báo cáo tài chính tại thời điểm chính thức chuyển đổi sang công ty Cổ phần. Tuy nhiên, theo công văn số 1808/BTC/-TCDN ngày 04/02/2015, Bộ Tài chính chấp thuận đề nghị của Công ty về việc được lập báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán thuế tại thời điểm 31/12/2014;
- Công ty đã ghi nhận Phương án phân phối lợi nhuận năm 2014 tại ngày lập Báo cáo tài chính (Thuyết minh 15). Phương án phân phối này đang chờ sự phê duyệt chính thức từ Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV;

Ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần nêu trên của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo này thay thế Báo cáo kiểm toán số 158/2015/BC.KTTC-AASC.DTNN1 ngày 06/02/2015 do điều chỉnh lại quỹ lương theo kết quả làm việc giữa Công ty TNHH MTV Cấp nước Tân Hòa và Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn về quỹ tiền lương, quỹ thù lao thực hiện năm 2014 của Công ty TNHH MTV Cấp nước Tân Hòa.



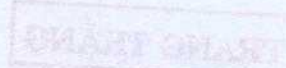
Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Phạm Thị Thanh Giang

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0286-2013-002-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2015



Nguyễn Phạm Hùng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2893-2015-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		60.756.696.509	59.337.473.122
110	I. Tiền và tương đương tiền	03	21.708.419.586	11.689.261.202
111	1. Tiền		13.708.419.586	5.689.261.202
112	2. Tương đương tiền		8.000.000.000	6.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		26.000.000.000	20.000.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		26.000.000.000	20.000.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		3.141.712.562	14.061.484.666
131	1. Phải thu khách hàng	04	1.795.259.988	12.297.005.778
132	2. Trả trước cho người bán		278.400.000	274.163.376
135	5. Các khoản phải thu khác	05	1.068.052.574	1.490.315.512
140	III. Hàng tồn kho		7.050.858.430	10.750.505.611
141	1. Hàng tồn kho	06	7.050.858.430	10.750.505.611
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		2.855.705.931	2.836.221.643
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	07	2.040.780.000	2.089.110.000
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	80.260.573
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	08	814.925.931	666.851.070
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		9.868.446.514	3.540.084.740
220	I. Tài sản cố định		5.795.471.320	2.683.675.940
221	1. Tài sản cố định hữu hình	09	5.414.763.642	2.582.739.862
222	- Nguyên giá		11.234.067.072	9.845.587.437
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.819.303.430)	(7.262.847.575)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	380.707.678	100.936.078
228	- Nguyên giá		703.499.000	279.116.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(322.791.322)	(178.179.922)
260	V. Tài sản dài hạn khác		4.072.975.194	856.408.800
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	07	4.072.975.194	856.408.800
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		70.625.143.023	62.877.557.862

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		21.447.514.015	22.939.925.968
310	I. Nợ ngắn hạn		21.447.514.015	22.909.337.048
312	2. Phải trả người bán	11	19.000.000	3.275.267.103
313	3. Người mua trả tiền trước		103.663.414	156.312.773
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	631.774.385	355.747.526
315	5. Phải trả người lao động	13	14.802.979.822	12.607.322.256
319	9. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	14	1.359.308.394	856.973.847
323	11. Quỹ khen thưởng phúc lợi		4.530.788.000	5.657.713.543
330	II. Nợ dài hạn		-	30.588.920
333	3. Phải trả dài hạn khác		-	30.588.920
400	B. NGUỒN VỐN		49.177.629.008	39.937.631.894
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	49.177.629.008	39.937.631.894
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		37.956.404.812	35.032.159.837
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		3.161.956.080	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		8.059.268.116	4.905.472.057
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		70.625.143.023	62.877.557.862



Trần Hữu Năm
Giám đốc

uyet
Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Kế toán trưởng

Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2014

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm kết thúc	Năm kết thúc
		ngày 31/12/2014	ngày 31/12/2013
		VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	105.313.582.608	90.744.709.951
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	105.313.582.608	90.744.709.951
11	4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	90.082.290.830	77.572.108.288
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.231.291.778	13.172.601.663
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	2.292.325.759	2.617.628.565
22	7. Chi phí tài chính	-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay	-	-
24	8. Chi phí bán hàng	-	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.007.805.619	8.947.743.507
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	7.515.811.918	6.842.486.721
31	11. Thu nhập khác	539.154.904	1.498.714.486
32	12. Chi phí khác	368.537.506	2.156.645.229
40	13. Lợi nhuận/(chi phí) khác	170.617.398	(657.930.743)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.686.429.316	6.184.555.978
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.708.764.900	1.610.176.075
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	5.977.664.416	4.574.379.903



Trần Hữu Năm
Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh Tuyền

Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Kế toán trưởng

Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2014
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm kết thúc ngày 31/12/2014	Năm kết thúc ngày 31/12/2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế	7.686.429.316	6.184.555.978
02	2. Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định	09, 10 1.054.191.358	821.792.944
03	Các khoản dự phòng	-	(79.788.756)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(2.292.325.759)	(2.617.628.565)
08	3. Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	6.448.294.915	4.308.931.601
09	Giảm các khoản phải thu	11.049.513.374	660.843.988
10	Giảm hàng tồn kho	3.699.647.181	5.131.001.462
11	Tăng / (Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm thuế TNDN phải nộp)	(4.486.337.523)	1.628.067.914
12	(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	551.366.832	(1.304.756.983)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(1.538.707.596)	(1.706.780.369)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	15.723.777.183	8.717.307.613
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ	09, 10 (1.799.389.000)	(2.220.836.133)
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(68.000.000.000)	(20.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	62.000.000.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	2.094.770.201	2.617.628.565
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(5.704.618.799)	(19.603.207.568)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	10.019.158.384	(10.885.899.955)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	11.689.261.202	22.575.161.157
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03 21.708.419.586	11.689.261.202



Trần Hữu Năm
Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Kế toán trưởng

Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một phần hợp thành và cần đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN CHUNG

Công ty TNHH MTV Cấp nước Tân Hòa được chuyển đổi từ Chi nhánh Cấp nước Tân Hòa theo Quyết định số 3745/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt chuyển đổi Chi nhánh Cấp nước Tân Hòa thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV làm chủ sở hữu.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty TNHH Một thành viên số 0310350068 đăng ký lần đầu ngày 06/10/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy phép sửa đổi.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất; tư vấn xây dựng các công trình cấp nước, công trình dân dụng – công nghiệp; xây dựng cấp nước, thiết kế xây dựng công trình cấp nước dân dụng và công nghiệp; lập dự án, thẩm tra thiết kế các công trình cấp nước dân dụng và công nghiệp; tái lập mặt đường đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và các công trình khác.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 95 Phạm Hữu Chí, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi ngày 06/06/2013 là 35.068.000.000 VND.

Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần cấp nước Tân Hòa theo Giấy phép đăng ký chuyển đổi thành Công ty cổ phần ngày 17/12/2014.

1. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một phần hợp thành và cần đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận, khi cần thiết, là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, vô hình (TSCĐ) được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng hữu ích được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị quản lý	03 - 10 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 08 năm

Từ tháng 6/2013, Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, cụ thể như sau: Nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng. Đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì được phân loại lại sang Chi phí trả trước dài hạn và giá trị còn lại của các tài sản đó được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn 3 năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một phần hợp thành và cần đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2.8 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

2.9 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10 Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.11 Chính sách thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập phải nộp hoặc thu hồi được từ lợi nhuận chịu thuế vào năm hiện hành và mức thuế suất hiện hành. Thuế hiện hành cho năm hiện hành và các năm trước phải được ghi nhận là công nợ, trong phạm vi chưa thanh toán. Nếu số thuế đã trả vào năm hiện hành và các năm trước vượt quá số thuế phải trả trong những giai đoạn đó, thì số chênh lệch phải được ghi nhận là một tài sản. Mức thuế suất được sử dụng để tính số thuế là mức thuế suất có hiệu lực áp dụng tại kỳ tính thuế.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác tuân thủ theo các quy định và luật hiện hành.

2.12 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một phần hợp thành và cần đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu, bao gồm nguồn vốn Công ty mẹ giao và nguồn vốn bổ sung từ lợi nhuận sau thuế của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước (nếu có). Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty được thực hiện theo Nghị định 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính Phủ. Theo đó, Lợi nhuận của doanh nghiệp sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, phần lợi nhuận còn lại được phân phối như sau:

- Trích 30% vào quỹ đầu tư phát triển;
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Viên chức quản lý doanh nghiệp theo đánh giá xếp hạng doanh nghiệp;
- Số lợi nhuận còn lại sau khi trừ đi các nội dung như trên được nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.

2.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và lãi đầu tư và doanh thu tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một phần hợp thành và cần đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. Tiền và tương đương tiền

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	35.795.300	43.583.729
Tiền gửi ngân hàng	13.672.624.286	5.645.677.473
Tương đương tiền	8.000.000.000	6.000.000.000
	21.708.419.586	11.689.261.202

4. Phải thu khách hàng

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn TNHH MTV về dịch vụ nước sạch	1.164.560.170	11.800.742.266
Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn TNHH MTV về dịch vụ xây lắp, tư vấn	131.938.018	171.807.256
Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn TNHH MTV về dịch vụ thu phí bảo vệ môi trường	128.271.124	113.775.456
Công ty CP Đại Lộc về tiền nhượng vật tư	-	180.483.600
Công ty CP Tư Vấn Xây Dựng Cấp Nước	-	30.197.200
Ban quản lý đầu tư xây dựng công trình quận Tân Phú	229.335.961	-
Công ty TNHH Đầu Tư NAKYCO	141.154.715	-
	1.795.259.988	12.297.005.778

5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu cán bộ nhân viên Thuế TNCN	147.174.341	66.149.229
Thuế Giá trị gia tăng đầu vào chưa kê khai	-	296.231.025
Tiền lương phải thu từ hội đồng thành viên do trích thừa	3.267.123	11.686.699
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	917.611.110	1.115.166.668
Khác	-	1.081.891
	1.068.052.574	1.490.315.512

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một phần hợp thành và cần đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. Hàng tồn kho

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	1.829.095.000
Nguyên liệu, vật liệu	7.009.780.710	8.864.199.000
Công cụ, dụng cụ	41.077.720	57.211.611
	7.050.858.430	10.750.505.611
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được	7.050.858.430	10.750.505.611

7. Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	2.040.780.000	2.089.110.000
Cước internet	3.780.000	3.510.000
Phí bảo hiểm nhân thọ	2.037.000.000	2.085.600.000
Chi phí trả trước dài hạn	4.072.975.194	856.408.800
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	149.664.863
Giá trị còn lại của tài sản điều chỉnh theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	353.371.968	706.743.937
Tài sản đánh giá tăng theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp	3.719.603.226	-
- Tài sản có nguyên giá nhỏ hơn 30 triệu	94.183.054	-
- Lợi thế thương mại	2.924.244.975	-
- Công cụ, dụng cụ	701.175.197	-
	6.113.755.194	2.945.518.800

8. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	585.833.120	317.758.259
Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	229.092.811	349.092.811
	814.925.931	666.851.070

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một phần hợp thành và cần đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2014	473.397.581	2.391.602.306	5.511.676.620	1.468.910.930	9.845.587.437
Mua trong năm	-	1.141.836.000	-	233.170.000	1.375.006.000
Tăng do đánh giá lại tài sản thời điểm cổ phần hóa	249.446.312	96.400.000	472.217.647	12.359.318	830.423.277
Giảm do đánh giá lại tài sản thời điểm cổ phần hóa	(110.593.733)	(26.700.000)	(75.858.181)	(39.990.909)	(253.142.823)
Giảm do bàn giao cho Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn	-	(470.000.000)	-	(93.806.819)	(563.806.819)
Tại ngày 31/12/2014	612.250.160	3.133.138.306	5.908.036.086	1.580.642.520	11.234.067.072
Hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2014	203.436.188	1.841.661.532	4.483.158.053	734.591.802	7.262.847.575
Khấu hao tăng trong kỳ	51.470.484	306.695.814	267.808.344	283.605.316	909.579.958
Tăng do đánh giá lại tài sản thời điểm cổ phần hóa	178.600.388	38.864.000	108.996.716	-	326.461.104
Giảm do đánh giá lại tài sản thời điểm cổ phần hóa	(144.261.410)	(511.420.485)	(1.278.591.504)	(181.504.989)	(2.115.778.388)
Giảm do bàn giao cho Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn	-	(470.000.000)	-	(93.806.819)	(563.806.819)
Tại ngày 31/12/2014	289.245.650	1.205.800.861	3.581.371.609	742.885.310	5.819.303.430
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2014	269.961.393	549.940.774	1.028.518.567	734.319.128	2.582.739.862
Tại ngày 31/12/2014	323.004.510	1.927.337.445	2.326.664.477	837.757.210	5.414.763.642

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một phần hợp thành và cần đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Tại 01/01/2014	279.116.000	279.116.000
Mua trong năm	424.383.000	424.383.000
Tại 31/12/2014	<u>703.499.000</u>	<u>703.499.000</u>
Hao mòn lũy kế		
Tại 01/01/2014	178.179.922	178.179.922
Khấu hao trong năm	144.611.400	144.611.400
Tại 31/12/2014	<u>322.791.322</u>	<u>322.791.322</u>
Giá trị còn lại		
Tại 01/01/2014	100.936.078	100.936.078
Tại 31/12/2014	<u>380.707.678</u>	<u>380.707.678</u>

11. Phải trả người bán

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải trả cho người bán vật tư Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	-	2.012.004.500
Phải trả cho người bán tài sản cố định Công ty TNHH TM DV XD Hương Quỳnh Châu	-	29.510.008
Phải trả cho nhà thầu dịch vụ tái lập mặt đường Công ty TNHH MTV Công Trình Giao Thông Sài Gòn	-	111.560.980
Công ty TNHH TM DV XD Hương Quỳnh Châu	-	912.888.257
Công ty CP Đại Lộc	19.000.000	
Phải trả người bán / nhà thầu khác	-	209.303.358
	<u>19.000.000</u>	<u>3.275.267.103</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một phần hợp thành và cần đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	112.419.616	149.285.641
Thuế thu nhập doanh nghiệp	376.519.189	206.461.885
Thuế thu nhập cá nhân	142.835.580	-
	631.774.385	355.747.526

13. Phải trả người lao động

Chi phí tiền lương trong năm 2014 được Công ty ghi nhận theo quỹ lương đã thống nhất với Tổng công ty cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV như sau:

Chỉ tiêu	VND
Quỹ lương của Viên chức quản lý	1.314.000.000
Quỹ lương của người lao động	43.484.256.179
	44.798.256.179

Số dư phải trả người lao động và viên chức quản lý tại 31/12/2014 và 01/01/2014 lần lượt như sau:

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải trả người lao động	14.114.879.012	12.348.993.621
Phải trả viên chức quản lý	688.100.810	258.328.635
	14.802.979.822	12.607.322.256

14. Các khoản phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV về tiền nước và tiền nước thất thoát thu hộ	-	174.101.465
Phải trả về cổ phần hóa	916.970.414	-
Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	131.924.000	231.123.000
Phải trả thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	23.913.980	149.249.382
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	272.500.000	302.500.000
Bảo lãnh dự thầu	14.000.000	-
	1.359.308.394	856.973.847

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một phần hợp thành và cần đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư ngày 01/01/2013	35.032.159.837	-	894.392.243	-	3.999.882.769	39.926.434.849
Lãi từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	4.574.379.903	4.574.379.903
Điều chỉnh theo Thông tư 220/2013/TT-BTC	-	891.904.010	(891.904.010)	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	4.013.568.047	(2.488.233)	-	(8.574.262.672)	(4.563.182.858)
Số dư ngày 31/12/2013	35.032.159.837	4.905.472.057	-	-	-	39.937.631.894
Lãi từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	5.977.664.416	5.977.664.416
Tăng do đánh giá lại tài sản khi thực hiện cổ phần hóa	2.924.244.975	-	-	3.161.956.080	-	6.086.201.055
Phân phối lợi nhuận	-	1.793.299.325	-	-	(5.977.664.416)	(4.184.365.091)
Điều chỉnh lợi nhuận tạm phân phối năm 2013	-	1.360.496.734	-	-	-	1.360.496.734
Số dư ngày 31/12/2014	37.956.404.812	8.059.268.116	-	3.161.956.080	-	49.177.629.008

Lợi nhuận năm 2014 được tạm phân phối như sau:

Chỉ tiêu	Số tiền VND	Tỷ lệ %
Quỹ đầu tư phát triển	1.793.299.325	30,00
Quỹ khen thưởng phúc lợi	4.184.365.091	70,00
Cộng	5.977.664.416	100,00

T HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một phần hợp thành và cần đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm kết thúc ngày 31/12/2014	Năm kết thúc ngày 31/12/2013
	VND	VND
Lắp đặt ống cái, di dời, bồi thường	2.603.748.096	3.790.403.443
Dịch vụ nước sạch	96.147.359.826	85.421.922.932
Đóng mở nước	-	15.421.206
Khảo sát, thiết kế, thi công các công trình	6.562.474.686	1.516.962.370
	105.313.582.608	90.744.709.951

17. Giá vốn hàng bán

	Năm kết thúc ngày 31/12/2014	Năm kết thúc ngày 31/12/2013
	VND	VND
Lắp đặt ống cái, di dời, bồi thường	1.844.654.030	1.940.182.712
Dịch vụ nước sạch	85.519.429.665	75.179.582.487
Khảo sát, thiết kế, thi công các công trình	2.718.207.135	452.343.089
	90.082.290.830	77.572.108.288

18. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm kết thúc ngày 31/12/2014	Năm kết thúc ngày 31/12/2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay có kỳ hạn	2.208.889.174	2.534.505.665
Lãi tiền gửi, tiền cho vay không kỳ hạn	83.436.585	80.692.900
Chiết khấu thanh toán	-	2.430.000
	2.292.325.759	2.617.628.565

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một phần hợp thành và cần đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm kết thúc ngày 31/12/2014	Năm kết thúc ngày 31/12/2013
	VND	VND
Lương & các khoản trích theo lương	4.989.702.390	4.382.389.813
Thuế môn bài, tiền thuê đất	3.387.000	3.387.000
Trợ cấp thôi việc	79.780.500	75.793.875
Dịch vụ mua ngoài	326.000.000	265.241.935
Tiền ăn giữa ca	199.088.700	179.003.700
Vấn phòng phẩm, mực in	39.179.726	35.192.727
Xăng xe cho Cán bộ nhân viên	44.307.319	40.399.139
Điện thoại, cước internet, cước công văn	108.264.502	102.218.955
Chi phí tiếp khách	191.500.568	148.361.677
Chi phí đào tạo, hội thảo, hội nghị	254.940.810	350.696.038
Chi phí đồng phục, bảo hộ lao động	142.091.910	155.068.000
Chi phí khám sức khỏe	322.153.295	221.220.000
Chi phí sửa chữa văn phòng, kho vật tư	-	52.175.621
Chi phí hành chánh	99.224.172	94.508.009
Chi phí quảng cáo hình ảnh công ty	59.058.100	85.871.674
Phí kiểm toán	110.000.000	100.000.000
Kinh phí đăng	220.000.000	197.736.512
Chi phí bằng tiền khác	336.943.127	275.984.687
Chi phí không tính thuế TNDN	79.183.500	245.000.617
Chi phí nghiên cứu xây dựng	-	251.000.000
Bảng hệ thống mô tả công việc và trả lương		
Bảo hiểm nhân thọ	2.403.000.000	1.686.493.528
	10.007.805.619	8.947.743.507

20. Doanh thu khác

	Năm kết thúc ngày 31/12/2014	Năm kết thúc ngày 31/12/2013
	VND	VND
Cung cấp họa đồ, công trình ngầm	14.281.636	8.210.400
Kiểm định đồng hồ nước	6.940.905	4.909.086
Bán hồ sơ mời thầu	41.818.186	38.181.822
Nhượng bán vật tư	332.319.100	1.254.670.374
Khác	143.795.077	192.742.804
	539.154.904	1.498.714.486

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một phần hợp thành và cần đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. Chi phí khác

	Năm kết thúc ngày 31/12/2014	Năm kết thúc ngày 31/12/2013
	VND	VND
Kiểm định đồng hồ nước	17.240.727	9.594.000
Hồ sơ mời thầu	16.950.000	15.850.000
Nhượng bán vật tư	324.935.592	1.956.331.306
Khác	9.411.187	174.869.923
	368.537.506	2.156.645.229

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm kết thúc ngày 31/12/2014	Năm kết thúc ngày 31/12/2013
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	7.686.429.316	6.184.555.978
Ảnh hưởng của:		
- Chi phí không được khấu trừ	80.683.864	256.148.322
Thu nhập chịu thuế	7.767.113.180	6.440.704.300
Thuế suất	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.708.764.900	1.610.176.075

23. Công cụ tài chính

Các loại công cụ tài chính của công ty

	Giá trị ghi sổ			
	31/12/2014		01/01/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	21.708.419.586	-	11.689.261.202	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.863.312.562	-	13.787.321.290	-
Các khoản đầu tư tài chính	26.000.000.000	-	20.000.000.000	-
	50.571.732.148	-	45.476.582.492	-
Công nợ tài chính				
Phải trả người bán, phải trả khác	1.378.308.394	-	4.162.829.870	-
	1.378.308.394	-	4.162.829.870	-

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một phần hợp thành và cần đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đó được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và các rủi ro tín dụng được giám sát liên tục.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một phần hợp thành và cần đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31/12/2014	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Trên 1 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.708.419.586	-	21.708.419.586
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.863.312.562	-	2.863.312.562
Các khoản đầu tư tài chính	26.000.000.000	-	26.000.000.000
	50.571.732.148	-	50.571.732.148
Phải trả người bán, phải trả khác	1.378.308.394	-	1.378.308.394
	1.378.308.394	-	1.378.308.394
Chênh lệch thanh khoản	49.193.423.754	-	49.193.423.754
01/01/2014	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Trên 1 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.689.261.202	-	11.689.261.202
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.787.321.290	-	13.787.321.290
Các khoản đầu tư tài chính	20.000.000.000	-	20.000.000.000
	45.476.582.492	-	45.476.582.492
Phải trả người bán, phải trả khác	4.132.240.950	30.588.920	4.162.829.870
	4.132.240.950	30.588.920	4.162.829.870
Chênh lệch thanh khoản	41.344.341.542	(30.588.920)	41.313.752.622

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng như sau:



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một phần hợp thành và cần đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31/12/2014	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán, phải trả khác	1.378.308.394	-	1.378.308.394
	1.378.308.394	-	1.378.308.394

01/01/2014	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán, phải trả khác	4.132.240.950	30.588.920	4.162.829.870
	4.132.240.950	30.588.920	4.162.829.870

24. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần cấp nước Tân Hòa theo Giấy phép đăng ký chuyển đổi thành Công ty cổ phần ngày 17/12/2014.

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày chuyển đổi thành Công ty Cổ phần đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

25. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Trong năm Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

11110
ĐNG T
NHIỆM H
3 KIỂM
AAS
KIỂM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một phần hợp thành và cần đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	Mối quan hệ	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Cung cấp dịch vụ nước sạch			
Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	Công ty mẹ	96.147.359.826	85.437.344.138
Tư vấn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật			
Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	Công ty mẹ	-	245.228.703
Lắp đặt trụ cứu hỏa			
Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	Công ty mẹ	2.398.873.059	-
Thu nhập khác - Phí bảo vệ môi trường			
Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	Công ty mẹ	128.271.124	113.775.456
Nhượng bán vật tư ngành nước			
Công ty CP Cơ Khí Công Trình Cấp Nước	Công ty con của Công ty mẹ	-	102.945.000
Cty CP Tư Vấn XD Cấp Nước	Công ty con của Công ty mẹ	-	27.452.000
Quản lý và giảm rò rỉ vùng 2			
Ban QLDA Giảm Thất Thoát Nước TP.HCM	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	2.742.417.508	972.780.407
Thuê ngoài gắn mới đồng hồ nước và TLMD gắn ĐHN			
Công ty CP Cơ Khí Công Trình Cấp Nước	Công ty con của Công ty mẹ	571.555.653	121.059.510
Mua vật tư ngành nước			
Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	Công ty mẹ	17.155.418.000	19.084.311.100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một phần hợp thành và cần đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

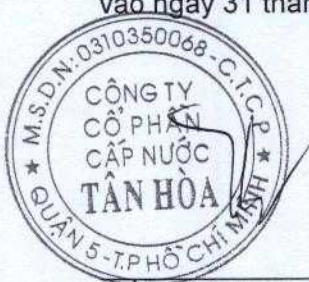
		Mối quan hệ	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải thu khách hàng				
Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	Công ty mẹ		1.424.769.312	12.086.324.978
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Cấp nước	Công ty con của Công ty mẹ		-	30.197.200
Phải trả người bán				
Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	Công ty mẹ		-	2.012.004.500
Phải trả ngắn hạn khác				
Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	Công ty mẹ		-	174.101.465
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Cấp nước	Công ty con của công ty mẹ		14.143.000	-
Công ty CP Cơ khí Công trình Cấp nước	Công ty con của công ty mẹ		40.000.000	40.000.000
Phải thu ngắn hạn khác				
Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	Công ty mẹ		-	182.909.500

26. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

27. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính này đã được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt và chấp thuận phát hành vào ngày 31 tháng 03 năm 2015.



Trần Hữu Năm
Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2015

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 27257--09
Quyển số: SCT/BS

Ngày: 01-09-2015 Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Kế toán trưởng

TRƯỞNG PHÒNG TƯ PHÁP QUẬN 5



Cón Như Chương Chương

